TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2025
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Liên.
Các Hội thẩm nhân nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trạng.
Ông Nguyễn Kim Huy Bằng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huyền Trân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu Vực 1, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Thảo Trang – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 1, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2025 về việc "*xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Mộng K, sinh năm 1985 (xin vắng)
Địa chỉ: Số A T, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp;
Bị đơn: Anh Lê Nguyên T, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số A T, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Mộng K trình bày*:

Tôi và anh Lê Nguyên T quen biết, tìm hiểu có tổ chức đám cưới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 21 tháng 9 năm 2006.

Quá trình chung sống, chúng tôi rất hòa thuận nhưng đến cuối năm 2024 thì thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không hòa hợp được. Hiện tại mẫu thuẫn vợ chồng chúng tôi đã quá nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục dích hôn nhân không đạt được. Hiện tôi đã không còn tình cảm gì với anh T.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị K yêu cầu được ly hôn với anh Lê Nguyên T.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Phạm Thái K1, sinh năm 2007 và Lê Phạm Thái T1, sinh năm 2013. Hiện con chung đang ở với chị K. Sau ly hôn, cháu K1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung + nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Nguyên T đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị K.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn thì không.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị K là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Mộng K và Lê Nguyên T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang vào ngày 21/9/2006. Ngày 15/7/2025, chị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Nguyên T cư trú tại phường Đ, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 1, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Mộng K có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Lê Nguyên T đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị K, anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mộng K và anh Lê Nguyên T được Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107, ngày 21/9/2006 nên xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị K trình bày, quá trình chung sống, vợ chồng rất hòa thuận nhưng đến cuối năm 2024 thì thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không hòa hợp được. Hiện tại mẫu thuẫn vợ chồng đã quá nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục dích hôn nhân không đạt được. Hiện tôi đã không còn tình cảm gì với anh T.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh Lê Nguyên T đến để tham dự, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh T không đến dự phiên toà là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại, chị K trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh T nên đã nộp đơn ly hôn và vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy cuộc sống vợ chồng anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết và tại bản tự khai chị K trình bày trong thời kỳ hôn nhân anh, chị có 02 con chung là Lê Phạm Thái K1, sinh năm 2007 và Lê Phạm Thái T1, sinh năm 2013. Hiện con chung đang ở với chị K. Sau ly hôn, cháu K1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị K yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, theo trình bày của chị K hiện tại cháu T1 đang sống cùng mẹ, tại bản tự khai Lê Phạm Thái T1 cũng trình bày khi cha mẹ ly hôn cháu mong muốn được sống với mẹ. Để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu và xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của chị K, giao cháu Lê Phạm Thái T1, sinh ngày 13/12/2013 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1, tỉnh Đồng Tháp là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị Mộng K.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Mộng K được ly hôn với anh Lê Nguyên T

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Phạm Thái T1, sinh ngày 13/12/2013 cho chị K trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Mộng K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 6856 ngày 15/7/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Mộng K và anh Lê Nguyên T có quyền kháng cáo bản án trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Liên